TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Võ Thị Diệu Thảo
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2019, về: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1970
Nơi cư trú: Tổ dân phố Tây Sơn, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lâm Hòa H, sinh năm: 1967
Nơi cư trú: Tổ dân phố Tây Sơn, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2019, bản tự khai ngày 04/7/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà và ông Lâm Hòa H tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Ngòi, huyện C (nay là thành phố C) nhưng đến năm 2014 bà và ông H đã ly hôn. Sau đó vì thương các con nên bà và ông H đã hàn gắn tình cảm và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ba Ngòi, thành phố C, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 15/8/2017. Từ khi đăng ký kết hôn lại và chung sống với nhau, ông H vẫn không

sửa đổi tính tính, không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè. Cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng ngột ngạt vì ông H không có trách nhiệm với gia đình, không san sẻ, yêu thương, gánh vác nghĩa vụ gia đình với vợ dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên kình cãi, xúc phạm nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không giải quyết được, ngày càng trở nên trầm trọng hơn, bà không thể sống chung được nên đã bỏ ra ở trọ hơn hai tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Hòa H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là các cháu: Lâm Thị Mỹ H, sinh năm: 1992; Lâm Thanh T, sinh năm: 1993; Lâm Quan H1, sinh năm: 1996 và Lâm Thanh T1, sinh ngày: 24/4/2002. Các cháu H, T, H1 đều đã thành niên, đã sống tự lập và có gia đình bà không yêu cầu giải quyết. Hiện nay cháu T1 đang học cấp 3 tại trường Trung học phổ thông, hiện đang ở cùng với ông H, do đó bà yêu cầu giao cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông H làm nghề lái xe tải, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại biên bản bản lấy lời khai ngày 14/8/2019, bị đơn ông Lâm Hòa H trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như bà D trình bày, trong quá trình chung sống ông luôn là người chăm lo cho kinh tế gia đình và nuôi các con khôn lớn. Ngược lại bà D chỉ biết tiêu xài hoang phí, gây nên nợ nần dẫn đến vợ chồng có kình cãi to tiếng, bà D bỏ nhà đi hơn một tháng nay không về. Ông không phải là người cờ bạc, rượu chè như bà D trình bày. Vợ chồng không sống được với nhau bà D yêu cầu ly hôn thì ông cũng không níu kéo. Hiện nay giấy tờ nhà đất của hai vợ chồng bà D đang giữ, ông yêu cầu bà D đưa lại cho ông giữ thì ông mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung đúng như bà D trình bày. Các cháu H, T, H1 đã thành niên, đã sống tự lập và có gia đình riêng. Riêng cháu T1 ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông có công việc và thu nhập ổn định có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D. Về con chung: Giao cháu Lâm Thanh T1 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà D tạm thời không cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Bà D, ông H không yêu

cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Bà D phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.
Giấy khai sinh Lâm Thị Mỹ H, Lâm Thanh T, Lâm Quan H1, Lâm Thanh T1.
Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc D, Lâm Hòa H.
Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[1.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn ông Lâm Hòa H. Yêu cầu của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

[2.1] Bà D và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Ngòi, huyện C (nay là thành phố C) nhưng đến năm 2014 bà D và ông H ly hôn. Đến năm 2017, bà D và ông H đăng ký kết hôn lại tại UBND phường Ba Ngòi, thành phố C, giấy chứng nhận kết hôn số 81, cấp ngày 15/8/2017. Do đó, hôn nhân giữa bà D và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng ly hôn vào năm 2014. Đến năm 2017 bà D và ông H hàn gắn tình cảm, tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn lại. Sau khi về chung sống với nhau giữa bà D và ông H lại nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc kinh tế gia đình, vợ chồng kình cãi, xúc phạm nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và trên thực tế cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Bà D xác định tình cảm hiện nay với ông H không còn nữa. Ông H cũng xác định không thể níu kéo tình cảm để chung sống với bà D. Tại biên bản xác minh ngày 26/8/2019, chính quyền địa phương cho biết: "Cuộc sống chung của chị D và anh H tồn tại nhiều mâu thuẫn, có nhiều bất đồng trong cuộc sống, tuy nhiên nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm rõ". Tại phiên tòa hôm nay bà D có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà D yêu cầu được ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông H có 04 con chung là các cháu Lâm Thị Mỹ

H, sinh năm: 1992; Lâm Thanh T, sinh năm: 1993; Lâm Quan H1, sinh năm: 1996 và Lâm Thanh T1, sinh ngày: 24/4/2002. Các cháu H, T, H1 đã thành niên, có cuộc sống tự lập, có thể chất và tinh thần bình thường nên bà D, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà D yêu cầu giao cháu Lâm Thanh T1 cho ông H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lâm Thanh T1 và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Hiện nay cháu Lâm Thanh T1 đang sinh sống cùng ông H và có nguyện vọng được chung sống cùng ông H. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc ông H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Thanh T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Vì lợi ích của con, bà D và ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lâm Hòa H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn ông Lâm Hòa H.

2. Về con chung: Ông Lâm Hòa H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Thanh T1, sinh ngày 24/4/2002, bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lâm Hòa H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lâm Hòa H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Mỹ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000516 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tống đạt hợp lệ.

Ông Lâm Hòa H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Ba Ngòi
- Lưu hồ sơ, án văn

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy